

# XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ GIÁO DỤC VIỆT NAM TRÊN BẢN ĐỒ THẾ GIỚI: CÁCH TIẾP CẬN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

• **TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN**  
*Bộ Giáo dục và Đào tạo*

## 1. Mở đầu

Ngày nay không còn ai nghi ngờ về vai trò của giáo dục (GD) với tư cách là nhân tố cơ bản tạo ra vốn con người và vốn xã hội cần thiết cho sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia. Phát triển giáo dục trở thành lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy việc tổ chức thực hiện các mục tiêu GD đặt ra yêu cầu làm thế nào đánh giá được một cách tin cậy và khách quan các kết quả đạt được.

Để trả lời cho vấn đề trên, trong vài thập kỷ qua các nước và các tổ chức quốc tế đã tập trung xây dựng, phát triển và sử dụng các chỉ số (index) và chỉ tiêu (indicator) GD. Đó là những thông tin về các yếu tố đầu vào, các điều kiện bảo đảm GD và kết quả thực hiện GD. Các thông tin này phải tạo thành một tập hợp tương thích các số liệu thống kê phục vụ cho công tác đánh giá.

Thông thường có hai cách đánh giá. Một là đánh giá trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu thực hiện với các chỉ tiêu kế hoạch. Hai là đánh giá trên cơ sở so sánh quốc tế, giữa các nước trong khu vực hoặc giữa các nước có cùng trình độ phát triển. Cả hai cách hiện đều đang được sử dụng rộng rãi ở các quốc gia. Tuy nhiên, do tính liên thuộc toàn cầu ngày càng tăng và do lợi ích rõ rệt của văn hoá chia sẻ thông tin, trong vòng một thập kỷ nay, cách đánh giá so sánh quốc tế ngày càng được các chính phủ coi trọng. Cách đánh giá này không chỉ giúp xác định vị trí GD quốc gia trong tương quan với các nền GD khác trên thế giới mà chủ yếu là tạo cơ sở để các nhà hoạch định chính sách nhận dạng mặt mạnh mặt yếu, rút ra các bài học cần thiết, đề xuất giải pháp và chính sách phù hợp cho sự phát triển GD.

Việc đánh giá GD Việt Nam trên cơ sở xây

dựng, phát triển và sử dụng các chỉ tiêu GD đến nay vẫn chưa được coi trọng đúng mức. Mặc dù trong Chiến lược phát triển GD 2001-2010, khi nói về giải pháp đổi mới quản lý GD có quy định "xây dựng hệ thống thông tin quản lý GD, khai thác nguồn thông tin quốc tế về GD hỗ trợ việc đánh giá tình hình và ra quyết định", nhưng việc tổ chức thực hiện chưa được thực sự quan tâm và còn nhiều bất cập. Điều đó góp phần giải thích vì sao đến nay vẫn chưa có cơ sở thuyết phục để tạo sự đồng thuận của xã hội trong việc đánh giá GD nước ta.

Điều đáng nói là chính trong quá trình đánh giá so sánh các khía cạnh khác nhau của GD tại các nước trên thế giới, các tổ chức quốc tế đã giúp chúng ta phần nào trả lời được câu hỏi: GD Việt Nam đang đứng ở đâu trên thang xếp hạng GD thế giới? Bài viết này sẽ đưa ra một số minh họa cụ thể về câu trả lời này, từ đó đề xuất một số vấn đề cần và có thể giải quyết trong thời gian tới để môi trường GD nước ta tiến tới đạt các yêu cầu về tính trung thực và minh bạch.

## 2. Xếp hạng theo chỉ số HDI (Human Development Index)

Chỉ số phát triển con người HDI, do tổ chức UNDP xây dựng và phát triển suốt 15 năm nay, đã quen thuộc với bạn đọc từ lâu. Chỉ số này được cấu thành từ ba chỉ số thành phần là chỉ số kinh tế K, chỉ số GD G và chỉ số tuổi thọ T. Vì vậy, HDI là một thước đo tương đối tổng hợp phản ánh sự phát triển kinh tế trong mối quan hệ với tiến bộ xã hội.

Đối với ngành GD, chỉ số GD G của HDI có thể được sử dụng để đánh giá GD Việt Nam ở nhiều góc độ. Chỉ số thành phần G được xây dựng từ hai chỉ tiêu GD là tỉ lệ biết chữ ở người lớn từ 15 tuổi trở lên và tỉ lệ nhập học gộp ở tiểu học, trung học và đại học. Vì vậy có thể dùng chỉ

số G để xếp hạng các nước ở góc độ xoá mù chữ và quy mô phát triển GD. Bảng 1 cho thấy chỉ số G của Việt Nam trong tương quan với một số nước trong khu vực thời gian qua:

**Bảng 1: Chỉ số G của Việt Nam và một số nước trong khu vực**

Nước \ G	1994		1999		2003	
	Chỉ số	Hạng	Chỉ số	Hạng	Chỉ số	Hạng
Hàn Quốc	0,93	15/175	0,95	18/162	0,97	11/177
Xingapo	0,85	66/175	0,87	56/162	0,91	43/177
Thái Lan	0,80	85/175	0,84	70/162	0,86	77/177
Malaixia	0,76	98/175	-----		0,83	94/177
Indonexia	0,76	99/175	0,79	88/162	0,81	99/177
Philipin	0,89	34/175	0,91	36/162	0,89	57/177
Trung Quốc	0,73	106/175	0,80	81/162	0,84	90/177
Việt Nam	0,80	86/175	0,84	71/162	0,82	98/177

(Nguồn: Human Development Report 1997, 2001, 2005).

Như vậy xét trong phạm vi các nước kể trên, đều có sự mở rộng đáng kể về quy mô GD trong thập kỉ qua. Đặc biệt ấn tượng là trường hợp của Trung Quốc, trong đó tỉ lệ người lớn biết chữ và tỉ lệ nhập học gộp ở các cấp học vào năm 1994 là 80,9% và 59% đến năm 2003 đã tăng lên là 90,9% và 69%. Hàn Quốc là ví dụ về việc kiên trì chính sách đầu tư cho phát triển GD, nhờ vậy mà mặc dù đã đạt trình độ cao về phát triển GD vào năm 1994 (với tỉ lệ người lớn biết chữ là 97,9% và tỉ lệ nhập học gộp là 82%) nhưng vẫn có bước tiến lớn trong những năm qua (các tỉ lệ nói trên vào năm 2003 tương ứng là 97,9% và 93%). Đáng quan tâm là trường hợp của nước ta: tuy chỉ số G có tăng, nhưng thứ hạng tụt 12 bậc, chứng tỏ một số nước đã vượt lên do tốc độ mở rộng quy mô GD của họ cao hơn.

Tuy nhiên, để có sự đánh giá đầy đủ hơn, cần xét trong tương quan giữa chỉ số G và GDP đầu người thực tế (PPP\$). Căn cứ vào số liệu của Báo cáo phát triển con người, chúng ta có thể xây dựng đồ thị phân bố của các nước có thu nhập thấp và trung bình trên mặt phẳng tọa độ chỉ số G và chỉ số K. Theo đồ thị đó, có thể thấy Việt Nam, về kinh tế thuộc các nước có thu nhập thấp, nhưng về GD đã đi trước một bước, đạt trình độ của các nước có thu nhập trung bình.

### 3. Xếp theo chỉ số KEI (Knowledge Economy Index)

Trong những năm gần đây, Ngân hàng Thế giới đã xây dựng và triển khai phương pháp luận đánh giá tri thức (Knowledge Assessment Methodology, KAM) nhằm cung cấp thông tin về tình sẵn sàng của các nước và khu vực trong việc phát triển kinh tế tri thức. Như đã được đề cập trong một bài báo trước, phương pháp luận

này dựa trên quan niệm là nền kinh tế tri thức được xây dựng trên bốn cột đỡ: thể chế kinh tế, GD và đào tạo, sáng chế cách tân và hạ tầng thông tin. Có tất cả 80 chỉ tiêu được đưa vào để

mô tả một cách định lượng kết quả thực hiện đối với từng cột đỡ tri thức. Riêng đối với cột đỡ GD và đào tạo, 13 chỉ tiêu là: tỉ lệ biết chữ của người lớn từ 15 tuổi trở lên, số năm học trung bình trong nhà trường chính quy, tỉ lệ nhập học trung học, tỉ lệ nhập học đại học, tỉ lệ tiếp cận internet trong trường học, tỉ lệ chi ngân

sách GD trong GDP, tỉ lệ lao động được đào tạo, kết quả về toán ở lớp 8, kết quả về khoa học ở lớp 8, chất lượng GD về khoa học và toán, mức độ đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, chất lượng quản lí trường học, tỉ lệ chảy máu chất xám. Tất cả các chỉ tiêu đều được chuẩn hoá trên thang điểm 10, làm cơ sở để xây dựng một chỉ số tổng hợp là chỉ số kinh tế tri thức KEI dùng để xếp hạng 128 quốc gia trên thang phát triển kinh tế tri thức.

Sức mạnh chủ yếu của KEI là giúp từng quốc gia nhận dạng được các điểm mạnh, điểm yếu của mình trên cơ sở so sánh kết quả thực hiện của 4 cột đỡ kinh tế tri thức với các nước và theo thời gian. Việc so sánh này có thể thực hiện trong phạm vi toàn cầu (gồm 128 nước được xếp hạng), trong phạm vi khu vực (với Việt Nam là khu vực Đông Á), trong quan hệ với các nước cùng trình độ thu nhập và trong quan hệ với các nước cùng mức độ phát triển con người HDI.

Lấy trường hợp của 8 nước Đông Á trong bảng 1, chúng ta có bảng so sánh sau đây vào năm 2003 của chỉ số KEI cùng 4 chỉ số thành phần (bảng 2).

Dựa vào bảng 2, hiển nhiên có thể so sánh GD Việt Nam trong nhiều mối tương quan: giữa Việt Nam với các nước trong khu vực, giữa Việt Nam với thế giới, giữa Việt Nam với các nước có thu nhập thấp (GDP bình quân đầu người dưới 766 USD), giữa Việt Nam với các nước đạt trình độ trung bình về phát triển con người ( $0,5 \leq HDI < 0,8$ ). Một cách tổng quát, trong 4 cột đỡ của kinh tế tri thức thì cột đỡ GD của Việt Nam là khả quan hơn cả; GD Việt Nam vượt khá xa mức độ trung bình của các nước có thu nhập thấp như Việt Nam, ở mức khá của các nước có HDI trung

**Bảng 2: Chỉ số KEI của Việt Nam và một số nước trong khu vực**

	KEI (chỉ số và xếp hạng)	Thể chế kinh tế	Sáng chế, cách tân	GD & đào tạo	Hạ tầng thông tin
Xingapo	8,21 (17/128)	9,50	9,06	5,33	8,95
Hàn Quốc	7,57 (27/128)	5,72	8,18	7,62	8,75
Malayxia	5,44 (46/128)	5,41	5,13	4,27	6,94
Thái Lan	4,85 (61/128)	4,52	4,18	5,61	5,06
Philippin	4,32 (68/128)	4,59	3,37	5,34	3,98
Trung Quốc	3,90 (75/128)	2,95	4,74	3,60	4,30
Indônêxia	3,11 (87/128)	3,65	2,58	3,34	2,85
Việt Nam	2,85 (92/128)	2,03	2,51	3,99	2,88
Trung bình thế giới	5,63	4,80	7,15	4,26	6,33
Trung bình Đông Á	6,02	5,43	7,33	4,63	6,68
Trung bình các nước thu nhập thấp	2,15	1,78	2,87	1,89	2,04
Trung bình các nước thu nhập TB thấp	4,26	3,50	4,78	4,30	4,45
Trung bình các nước có HDI trung bình	3,95	3,33	4,50	3,81	4,17

(Nguồn: World Bank, 2005 Interactive Knowledge Assessment Methodology)

binh, đang tiến tới mức trung bình của thế giới và trung bình của các nước có thu nhập trung bình thấp (766 \$ < GDP bình quân đầu người < 3035\$).

#### 4. Xếp theo chỉ số EDI (Education for All Development Index)

Chỉ số phát triển GD cho mọi người EDI do UNESCO xây dựng và phát triển trong hai năm gần đây<sup>2</sup>. Đó là một chỉ số tổng hợp dùng để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển GD cho mọi người mà các nước đã cam kết trong Tuyên bố Thiên niên kỷ và Khung hành động Dakar 2000. Về nguyên tắc có 6 mục tiêu cụ thể liên quan đến GD mầm non, GD tiểu học, chương trình học và kỹ năng sống, tỉ lệ biết chữ ở người lớn, bình đẳng giới và chất lượng GD. Tuy nhiên, trên thực tế, mục tiêu về các chương trình học và kỹ năng sống chưa thể lượng hoá; còn mục tiêu mở rộng và hoàn thiện GD mầm non đang gặp nhiều khó khăn về dữ liệu. Vì vậy, hiện tại chỉ số EDI là giá trị trung bình của 4 chỉ số thành phần là: tỉ lệ nhập học tinh ở tiểu học, tỉ lệ biết chữ ở người lớn từ 15 tuổi trở lên, chỉ số ngang bằng giới (gender parity index) và chỉ số chất lượng GD.

Chỉ số ngang bằng giới được tính bằng trung bình cộng của các tỉ lệ giữa nữ và nam trong nhập học ở tiểu học, ở trung học và trong người lớn từ 15 tuổi trở lên. Chỉ số này mới chỉ phản ánh mức độ tham gia GD của nữ giới, chưa phản ánh sự bình đẳng trong GD giữa nam và nữ. Đo lường sự bình đẳng này hiện còn gặp nhiều khó khăn do thiếu các dữ liệu chi tiết về đầu ra ở các

cấp học liên quan đến kết quả học tập của nam và nữ.

Khó khăn nhất là việc xây dựng chỉ số chất lượng GD. Có nhiều chỉ tiêu được lựa chọn như kết quả học tập, tỉ lệ học sinh/giáo viên, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn. Tuy nhiên, trong việc xây dựng chỉ số EDI, các nhà nghiên cứu đã chọn chỉ số chất lượng GD là tỉ lệ học sinh còn theo học đến lớp 5. Sở dĩ chọn như vậy vì các nghiên cứu thống kê cho thấy tỉ lệ học sinh còn theo học đến lớp 5 là dữ liệu phản ánh được một cách tích cực các khía cạnh khác liên quan đến chất lượng như kết quả học tập, tỉ lệ học sinh/giáo viên, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn.

Như vậy, khác với các chỉ số đã trình bày ở các mục trước, chỉ số EDI là chỉ số tổng hợp riêng đầu tiên của ngành GD. Dù rằng chỉ số này chỉ giới hạn ở việc đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu GD cho mọi người, nhưng điều quan trọng là chỉ số này đã phản ánh ở mức độ nào đó chất lượng GD và công bằng GD (trong phạm vi giới tính).

Bảng 3 dưới đây cho thấy vị trí GD Việt Nam trong mối tương quan với một số nước trong khu vực theo chỉ số EDI.

#### 5. Xếp theo các chỉ tiêu GD

Các chỉ số GD nêu trên là các chỉ số tương đối tổng hợp phản ánh thành tựu GD ở một khía cạnh nhất định. Để có cái nhìn chi tiết về GD, người ta còn xây dựng tập hợp các chỉ tiêu GD. Tùy theo mục đích sử dụng và tương quan so sánh mà người ta sẽ xây dựng các chỉ tiêu GD phù hợp. Chẳng hạn để đánh giá chất lượng GD,



Bảng 3: Chỉ số EDI của Việt Nam và một số nước trong khu vực.

	EDI 2001				
	EDI Chỉ số và xếp hạng trong 127 nước	Nhập học tiểu học	Tỉ lệ người lớn biết chữ	Ngang bằng giới	Chất lượng GD
Hàn Quốc	0,990 (4)	0,999	0,980	0,992	0,990
Trung quốc	0,930 (54)	0,946	0,909	0,885	0,980
Thái lan	0,921 (60)	0,863	0,926	0,955	0,941
Việt nam	0,914 (64)	0,940	0,903	0,925	0,890
Indônêxia	0,912 (65)	0,921	0,879	0,957	0,892
Philipin	0,904 (70)	0,930	0,926	0,967	0,793
Myanmar	0,805 (91)	0,819	0,853	0,951	0,599

(Nguồn: EFA Global Monitoring Report 2005)

Liên minh Châu Âu sử dụng 16 chỉ tiêu GD liên quan đến 4 lĩnh vực<sup>3</sup>: kết quả học tập các môn học, bỏ học và tốt nghiệp, giám sát hoạt động GD, nguồn lực. Bộ GD Hoa Kỳ dùng 23 chỉ tiêu liên quan đến bối cảnh GD, quy mô và kết quả học tập ở các cấp học để so sánh GD nước mình trong tương quan với các nước thuộc khối G8<sup>4</sup>. Tổ chức OECD xây dựng hệ thống gồm 28 chỉ tiêu GD liên quan đến kết quả học tập, nguồn lực tài chính và con người đầu tư cho GD, nhập học và việc làm, môi trường GD và tổ chức học tập, tạo cơ sở cho việc đánh giá và so sánh toàn diện kết quả thực hiện GD trong phạm vi 30 nước công nghiệp phát triển.

Trong phạm vi toàn cầu, Viện Thống kê UNESCO cung cấp một hệ thống phong phú các chỉ tiêu GD chủ yếu liên quan đến quy mô phát triển GD ở các cấp học và nguồn tài chính đầu tư cho GD. Có thể so sánh từng chỉ tiêu GD của Việt Nam với các nước trên thế giới. Chẳng hạn, bảng 4 dưới đây cho thấy tình hình đáng quan ngại về quy mô phát triển GD đại học của nước ta trong tương quan so sánh với một số nước trong khu vực.

Vài năm gần đây, trang web Nationmaster.com, sử dụng các dữ liệu của

Bảng 4: Tỉ lệ nhập học thô ở đại học của Việt Nam và một số nước trong khu vực trong vài năm học gần đây

	98/99	99/00	00/01	01/02	02/03	03/04
Hàn Quốc	65	72	78	82	85	85
Malayxia	23	24	27	27	29	-
Philipin	29	-	31	32	30	-
Trung Quốc	6	7	10	13	16	-
Indônêxia	-	-	15	15	16	-
Việt Nam	11	10	10	10	10	-
Lào	3	3	3	6	5	-

(Nguồn: UIS, UNESCO)

UNESCO, OECD và một số nguồn khác, đã cung cấp thông tin xếp hạng của 180 nước theo 138 chỉ tiêu GD. Việt Nam cũng nằm trong bảng xếp hạng này. Tuy nhiên vì các dữ liệu thống kê GD của Việt Nam còn nghèo nàn nên GD Việt Nam chỉ được xếp hạng theo 16 chỉ tiêu, chủ yếu liên quan đến tỉ lệ nhập học ở các cấp học. Trong đó có hai chỉ tiêu đáng quan tâm là chi ngân sách GD trên đầu học sinh tiểu học tính theo phần trăm của GDP

bình quân đầu người (Việt Nam đạt tỉ lệ 7,5% xếp thứ 105/131) và chi ngân sách GD trên đầu sinh viên đại học tính theo phần trăm của GDP bình quân đầu người (Việt Nam đạt tỉ lệ 149,5%, xếp thứ 20/129). Các số liệu này cho thấy tình bất hợp lí đặc biệt trong cơ cấu chi ngân sách GD của nước ta.

### 6. Một số kiến nghị

Đánh giá GD là một khâu quan trọng trong công tác quản lí GD. Kết quả đánh giá tạo cơ sở để các nhà quản lí GD nhận dạng điểm mạnh, điểm yếu, xác định các mục tiêu ưu tiên, xây dựng kế hoạch phát triển, phân bổ nguồn lực và hoạch định chính sách. Kết quả đánh giá cũng đồng thời đem lại sự minh bạch và trung thực của hoạt động GD đối với công chúng và các cơ quan giám sát.

Tuy nhiên, ở nước ta, dù đã có nhiều đổi mới trong GD, công tác đánh giá vẫn quanh quẩn dừng lại ở cách thức mô tả chung chung của mấy chục năm trước. Chính sự yếu kém này của công tác đánh giá đã dẫn đến tình trạng ngành GD không có được câu trả lời thuyết phục trước công luận về nhiều vấn đề bức xúc của GD. Yêu cầu đổi mới công tác đánh giá GD là cấp bách.

Trên cơ sở của những trình bày trên, xin đề xuất một số kiến nghị như sau:

a/ Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các chỉ tiêu GD của nước ta. Hiện nay, các chỉ tiêu GD của Việt Nam khá công kênh và tập trung chủ yếu vào quy mô GD. Cần tiến tới một hệ

thống chỉ tiêu chủ yếu, phản ánh được các chiều đo khác nhau của GD, tương thích với các chỉ tiêu GD quốc tế. Cũng cần nhận thức rằng việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu GD là một tiến trình từng bước hoàn thiện trong quá trình sử dụng. Các tập hợp chỉ số và chỉ tiêu GD hiện có trên thế giới đều trưởng thành từ một sự chấp nhận không câu toàn lúc đầu để hoàn thiện dần trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp qua sử dụng.

b/ Tham gia chương trình các chỉ tiêu GD thế giới WEI (World Education Indicators). Chương trình này do UNESCO và OECD khởi xướng và được triển khai từ năm 1997 với sự tài trợ của WB. Hiện có 19 nước tham gia chương trình này, gồm: Acentina, Braxin, Chilê, Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia, Giocđani, Malayxia, Philipin, Nga, Thái Lan, Ai Cập, Jamaica, Paraguay, Pêru, Sri Lanka, Tuynidi, Uruguay và Zimbabuê. Mục tiêu cơ bản của chương trình là đạt sự nhất trí trong việc xây dựng và triển khai hệ thống các chỉ tiêu GD cơ bản giúp cho việc đánh giá và so sánh kết quả thực hiện GD giữa các nước thành viên, có đối chiếu với các nước OECD. Chương trình WEI triển khai đã được 8 năm và đem lại kết quả lớn trong việc hoàn thiện công tác đánh giá ở các nước thành viên trong bối cảnh hội nhập GD. Việc tham gia chương trình này chắc chắn sẽ giúp GD Việt Nam có bước tiến vượt bậc trong công tác đánh giá.

c/ Học tập, tham khảo và áp dụng phương pháp đánh giá kết quả học tập của các tổ chức quốc tế. Đáng quan tâm là Chương trình đánh giá học sinh quốc tế PISA của OECD và Khuyh hướng học khoa học và toán trên thế giới (TIMSS) của Hiệp hội quốc tế đánh giá kết quả GD (IEA). Chương trình PISA hiện có 57 nước tham gia, trong đó có các nước ASEAN là Indônêxia và Thái Lan, cung cấp thông tin tin cậy về năng lực và kĩ năng học sinh ở độ tuổi 15 trong việc phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, học suốt đời và ứng phó với các thách thức của tương lai. Chương trình TIMSS hiện có 46 nước tham gia, trong đó ở khu vực Đông Á có Trung Quốc, Hàn Quốc, Indônêxia, Malayxia, Philipin, đánh giá kết quả học tập các môn khoa học và Toán của học sinh tiểu học và trung học cơ sở.

### 7. Kết luận

Vào năm 1990, khi Mahbub ul Haq đề xuất ý tưởng về một chỉ số tổng hợp khắc phục các khiếm khuyết của chỉ số GDP, để đánh giá mỗi quốc gia trong "sự phát triển với khuôn mặt người", không ít người tỏ ra hoài nghi, thậm chí nhạo báng. Tuy nhiên, với sự kiên định và cố gắng của các nhà nghiên cứu ủng hộ ý tưởng này, chỉ số HDI đã ra đời và ngày càng thu hút sự quan tâm của các nhà lãnh đạo quốc gia, các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ nghiên cứu.

Trong xu hướng toàn cầu hoá ngày nay, việc đánh giá so sánh quốc tế trên từng lĩnh vực trở nên đặc biệt cần thiết. Bên cạnh chỉ số HDI, nhiều chỉ số tổng hợp khác đã ra đời: chỉ số EDI dùng để xếp hạng các nước về kinh tế tri thức; chỉ số cạnh tranh tăng trưởng GCI dùng để xếp hạng các nước về năng lực cạnh tranh kinh tế; chỉ số sẵn sàng e - chính phủ dùng để xếp hạng các nước trong cải cách hành chính công v.v...

GD hiện được coi là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Tuy nhiên, bản đồ GD đến nay vẫn được mô tả bởi các tập hợp chỉ số và chỉ tiêu khác nhau. Bài viết này đã phân nào chỉ ra điều đó. Và cũng vì vậy mà bài viết này không đem được lại câu trả lời đầy đủ cho câu hỏi: GD Việt Nam đang nằm ở đâu trên bản đồ GD thế giới.

Vấn đề đặt ra là liệu có một chỉ số tổng hợp để phản ánh trạng thái và những tiến bộ về phát triển GD ở từng quốc gia. Có thể coi chỉ số EDI mà UNESCO đã xây dựng là một cố gắng trong việc trả lời có cho câu hỏi này. Dù rằng chỉ số EDI mới chỉ là một thước đo tổng hợp dùng để đánh giá sự phát triển về GD cho mọi người của mỗi quốc gia trên bản đồ GD, nhưng rõ ràng đây là một bước tiến quan trọng để có thể đi xa hơn trong việc xây dựng một thước đo tổng hợp phản ánh được một cách khái quát bức tranh phức tạp của GD quốc gia ở các chiều đo khác nhau của nó. Điều này đòi hỏi quyết tâm và nỗ lực của các nhà khoa học GD trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đỗ Nhật Tiến, *Tám nhìn giáo dục Việt Nam 2020: tiến tới nền kinh tế tri thức*. Tạp chí Khoa học giáo dục, số 3, 12/2005.
2. EFA Global Monitoring Report 2003/4, UNESCO 2003.
3. European Report on the Quality of School Education, 14 quality indicators, European Commission, 5/2000
4. Comparative Indicators of Education in the United States and other G8 countries, NCES, US Department of Education, 2/2005.
5. Education at a Glance, OECD 2005.

### SUMMARY

*The use of international indexes (such as HDI, KEI, EDI) and educational indicators is discussed with the view of giving an answer to the question: where is Vietnamese education on the world map of education? Therefore, it is recommended to develop in Vietnam education a comprehensive set of key indicators that reflect this concern on the basis of participating in the World Education Indicators programme (WEI) as well as adapting the conceptual and developmental work in learning outcomes assessment developed by PISA and TIMSS.*